

Số: 1563 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-TTg, ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 108/TTr-SLĐTBXH ngày 16/8/2017 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động-Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Tổ chức CT-XH tỉnh;
- Báo Quảng Ngãi; Đài PT-TH tỉnh;
- VPUB: C, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVXthuy530



**KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Dũng

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội
giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030" tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 24/8/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc cụ thể hóa Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát huy tiềm năng, nội lực, lợi thế của tỉnh, tranh thủ tối đa các nguồn lực hỗ trợ của cộng đồng, xã hội để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, góp phần nâng cao khả năng tự đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao tinh thần, vật chất cho người dân, đảm bảo công bằng, ổn định xã hội và phát triển bền vững.

2. Yêu cầu

- Thực hiện Đề án đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội phải đúng trọng tâm, trọng điểm, có hiệu quả và bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với định hướng, quy hoạch, chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh từng giai đoạn cụ thể; lồng ghép các hoạt động vào quá trình xây dựng, triển khai chiến lược, kế hoạch phát triển về lao động và xã hội.

- Trợ giúp xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh, xu hướng quốc tế và từng bước tiếp cận với mức sống tối thiểu trong từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo, người sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số.

- Trợ giúp xã hội phải đa dạng về mô hình, toàn diện cả về vật chất và tinh thần phù hợp với vòng đời con người, có tính chia sẻ giữa nhà nước, xã hội và người dân; đảm bảo người dân gặp rủi ro được hỗ trợ kịp thời từ nhà nước, các tổ chức và cộng đồng; phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu giai đoạn 2018 - 2020

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; thực hiện mở rộng người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn, không có lương hưu và trợ cấp của Nhà nước sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của Trung ương.

b) 50% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 10% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

2. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; nâng mức trợ cấp xã hội hàng tháng (theo quy định chung của Chính phủ); triển khai thực hiện kịp thời các chính sách trợ giúp đối với trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn sống ở vùng núi, vùng hải đảo, vùng dân tộc thiểu số theo quy định của Chính phủ; tiếp tục mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định của Trung ương.

b) 70% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 30% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a) 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; mức trợ cấp xã hội điều chỉnh mức trợ cấp theo qui định của Chính phủ.

b) 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện của Nhà nước ban hành.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức:

- Nội dung hoạt động: Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến,

hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

- Công tác truyền thông được thực hiện đa dạng dưới nhiều hình thức, phong phú về nội dung nhằm vận động, huy động gia đình, cộng đồng, xã hội tham gia chấp hành pháp luật về trợ giúp xã hội, tích cực xây dựng cuộc sống an toàn, lành mạnh và thân thiện đối với đối tượng trợ giúp xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Công tác truyền thông, vận động xã hội được xây dựng phù hợp với từng khu vực, từng vùng và từng nhóm đối tượng. Đặc biệt tập trung hoạt động truyền thông, vận động xã hội vào những vùng có đông đối tượng, dân tộc ít người, miền núi, hải đảo và những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn.

- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

2. Tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội

- Tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên làm công tác trợ giúp xã hội, cán bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cơ sở, cộng tác viên công tác xã hội, Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận, cán bộ các Hội đoàn thể.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ ngành Lao động – Thương binh và Xã hội, cộng tác viên, nhân viên công tác xã hội các cấp.

- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

3. Quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội; hình thành và phát triển cộng tác viên, nhân viên Công tác xã hội

Quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội theo định hướng:

- Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển nghề Công tác xã hội theo Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh.

+ Thành lập Trung tâm Công tác xã hội tỉnh trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Giáo dục – Lao động xã hội tỉnh.

+ Hình thành và phát triển các phòng Công tác xã hội tại các cơ sở giáo dục, cơ sở y tế, cơ sở bảo trợ xã hội và điểm Công tác xã hội tại cộng đồng.

+ Xây dựng và kiện toàn đội ngũ cộng tác viên, nhân viên Công tác xã hội các xã, phường, thị trấn và nhân viên công tác xã hội tại các cơ sở cung cấp dịch vụ Công tác xã hội.

- Thành lập Cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần trực thuộc Trung tâm Công tác xã hội tỉnh với năng lực từ 300 – 500 đối tượng để tập trung các đối tượng tâm thần lang thang, các đối tượng tâm thần có hành vi nguy hiểm đến gia đình, cộng đồng được phục hồi chức năng luân phiên tại cơ sở.

- Xây dựng Đề án quy định mức phụ cấp cho cộng tác viên nghề công tác xã hội theo Quyết định số 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh.

- Có biện pháp hỗ trợ, khuyến khích theo quy định của Nhà nước nhằm ổn định, củng cố, duy trì và phát triển các cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh: Trung tâm nuôi, dạy trẻ khuyết tật Võ Hồng Sơn; Trung tâm phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật Bình Hòa; Trung tâm phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật Hành Thiện; Trung tâm phục hồi chức năng cho nạn nhân chất độc da cam Nghĩa Thắng; Trung tâm phục hồi chức năng cho nạn nhân chất độc da cam Đức Phổ; các cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi của các cơ sở tôn giáo ...

- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

4. Hỗ trợ các đối tượng trợ giúp xã hội trong việc tiếp cận các chính sách về an sinh xã hội

a) Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2018-2025

Nội dung thực hiện:

- Thực hiện kịp thời các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ theo Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi khóa XII, kỳ họp thứ 4 về việc thông qua Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020;

- Triển khai Đề án thí điểm thực hiện Chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững trên địa bàn 02 huyện: Sơn Tây và Tây Trà trong năm 2018.

b) Triển khai thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ

- Nội dung: Thực hiện giải quyết các chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ và các chính sách pháp luật hiện hành. Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội tại các địa phương. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương án chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện theo các quy định của Trung ương.

- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp

- Nội dung: Huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, gia đình, cộng đồng tham gia trợ giúp khẩn cấp; lồng ghép trợ giúp khẩn cấp với các đề án, chương trình, chính sách liên quan ở các vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lụt, tác động của biến đổi khí hậu có sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

d) Hỗ trợ khó khăn đột xuất cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Nội dung: Quan tâm hỗ trợ và trợ cấp khó khăn đột xuất đối với những trường hợp có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tổ chức tặng quà, thăm hỏi động viên trong những ngày lễ, tết nhất là nhân ngày người khuyết tật Việt Nam 18/4, ngày Quốc tế người khuyết tật 03/12, ngày truyền thống người cao tuổi Việt Nam 06/6, ngày Quốc tế người cao tuổi 01/10, ...

- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội.

Nội dung thực hiện:

- Triển khai thực hiện hệ thống tiêu chí dữ liệu và quy trình, quy chế vận hành, khai thác thông tin, cơ sở dữ liệu khi Trung ương ban hành.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, hệ thống máy tính tại cơ sở trợ giúp xã hội và các địa phương;
- Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội;
- Đào tạo, chuyển giao công nghệ cho địa phương;
- Theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2018-2025.

6. Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt chính sách trợ cấp xã hội, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội và các chính sách có liên quan đến hỗ trợ thực hiện.

Nội dung thực hiện:

- Xây dựng bộ công cụ giám sát thực hiện chính sách trợ giúp xã hội;
- Khảo sát, điều tra, rà soát, phân loại đối tượng cần trợ giúp xã hội;
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Quảng Ngãi;
- Nâng cao năng lực thu thập, xử lý thông tin về đối tượng trợ giúp xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, phục vụ yêu cầu chỉ đạo quản lý, giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch;
- Sơ kết, tổng kết đánh giá Đề án, thực hiện quản lý Chương trình.

Thời gian thực hiện: Từ năm 2018-2025.

7. Tổ chức nghiên cứu học tập kinh nghiệm ở một số tỉnh

- Nội dung: Triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” ở địa phương.
- Thời gian thực hiện: 2018-2025.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN:

Hàng năm, căn cứ Kế hoạch đã được phê duyệt, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp cùng với các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng dự toán ngân sách gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch – Đầu tư thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt để gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch – Đầu tư.

Tổng nguồn kinh phí thực hiện Đề án trong 08 năm (giai đoạn 2018-2025) là 6.450 triệu đồng. Trong đó:

*** Giai đoạn: 2018-2020: 2.750 triệu đồng**

- Ngân sách trung ương: 500 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 900 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 140 triệu đồng.
- Lòng ghép các chương trình, dự án và huy động: 1.210 triệu đồng.

*** Giai đoạn 2021-2025: 3.700 triệu đồng**

- Ngân sách trung ương: 750 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh: 1.550 triệu đồng.
- Ngân sách huyện: 200 triệu đồng.
- Lòng ghép các chương trình, dự án và huy động: 1.200 triệu đồng.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách trợ giúp xã hội. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trong chỉ đạo, huy động nguồn lực và thực hiện trợ giúp xã hội.

2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Đổi mới về công tác quản lý Nhà nước về trợ giúp xã hội; thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, quy trình giải quyết chính sách trợ giúp xã hội dựa vào nhu cầu của người dân bảo đảm công khai, minh bạch; Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giải quyết, chi trả trợ giúp xã hội, bảo đảm tích hợp các chính sách trợ giúp xã hội với các chính sách an sinh xã hội.

4. Quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội theo mục tiêu của Đề án, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

của từng vùng, địa phương; phát huy năng lực, hiệu quả của các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, hỗ trợ các cơ sở trợ giúp xã hội công lập có đủ điều kiện trợ giúp toàn diện cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

5. Nghiên cứu, đề xuất xây dựng một số chính sách đặc thù của tỉnh để trợ giúp xã hội theo hướng mở rộng đối tượng và nâng mức thụ hưởng, phù hợp với tình hình kinh tế của địa phương.

6. Đẩy mạnh huy động xã hội hóa, đa dạng hóa nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, nhất là trợ giúp khẩn cấp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành các cơ quan, tổ chức, các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện các hoạt động của Đề án, đánh giá tổng kết giai đoạn, định kỳ báo cáo theo qui định.

2. **Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương vận động các nguồn viện trợ trong nước và ngoài nước cho việc thực hiện Đề án; lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm ở cấp tỉnh.

3. **Sở Tài chính:** Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện Đề án trong dự toán ngân sách hàng năm của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; chủ trì hướng dẫn, kiểm tra quyết toán việc sử dụng kinh phí đúng quy định.

4. **Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh:** Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến quan điểm chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về trợ giúp xã hội, vận động xã hội nhằm thay đổi cách thức trợ giúp xã hội theo hướng tiên tiến, hiệu quả, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc và trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội.

5. **Các Sở, ngành liên quan** căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

6. **Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các tổ chức liên quan** trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia tổ chức triển khai thực hiện Đề án. Tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về công tác trợ giúp xã

hội nhằm nâng cao nhận thức trong việc chăm lo, bảo vệ, trợ giúp đối tượng trợ giúp xã hội trong nhân dân.

7. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại địa phương;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động của Đề án phù hợp với chương trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
- Lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Đề án với các chương trình khác có liên quan trên địa bàn;
- Chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Đề án;
- Theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát và báo cáo việc thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2018-2025 và tầm nhìn đến năm 2030” tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh yêu cầu các địa phương, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện và định kỳ 6 tháng (*trước ngày 15/6*), cả năm (*trước ngày 15/12*) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (*qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội*). Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo bằng văn bản về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp./.



**KT.CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Dũng